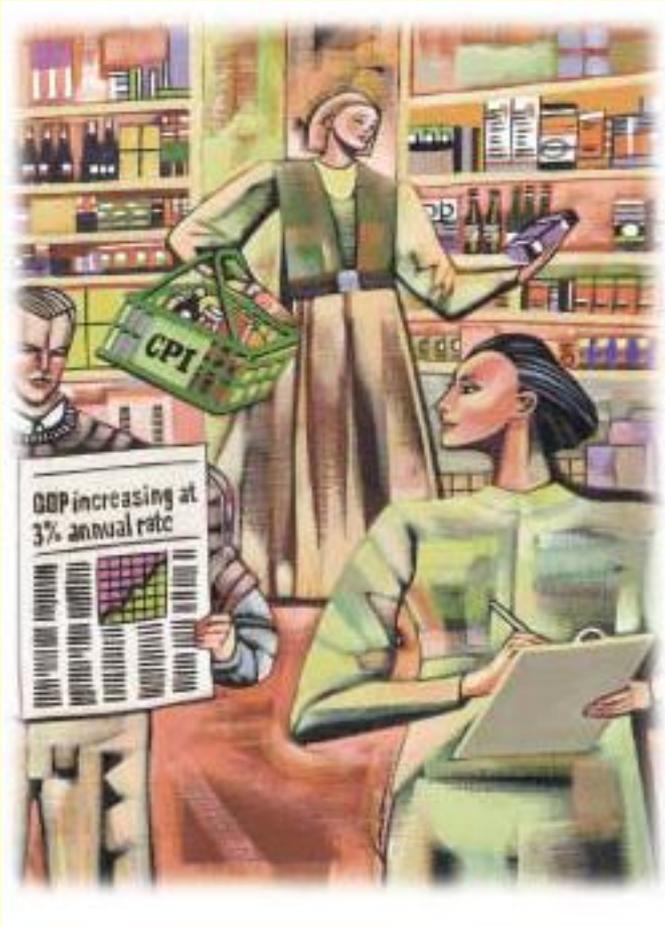


KINH TẾ HỌC VĨ MÔ



Chương 4

Tổng cầu và Chính sách tài khóa

II. Chính sách tài khóa

- Định nghĩa: CSTK là việc Chính phủ sử dụng thuế và chi tiêu công cộng để điều tiết tổng cầu từ đó điều tiết sản lượng, việc làm và giá cả.
- Hai công cụ: G và T
- Mục tiêu:
 - Ổn định kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn.
 - Tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.
 - Phân phối công bằng.
- Phân loại:
 - Chính sách tài khóa mở rộng: $G \uparrow$ hoặc $T \downarrow \Rightarrow AE \uparrow$
 - Chính sách tài khóa thắt chặt: $G \downarrow$ hoặc $T \uparrow \Rightarrow AE \downarrow$

Chính sách tài khóa mở rộng

Áp dụng trong trường hợp nền kinh tế suy thoái ($Y < Y^*$):

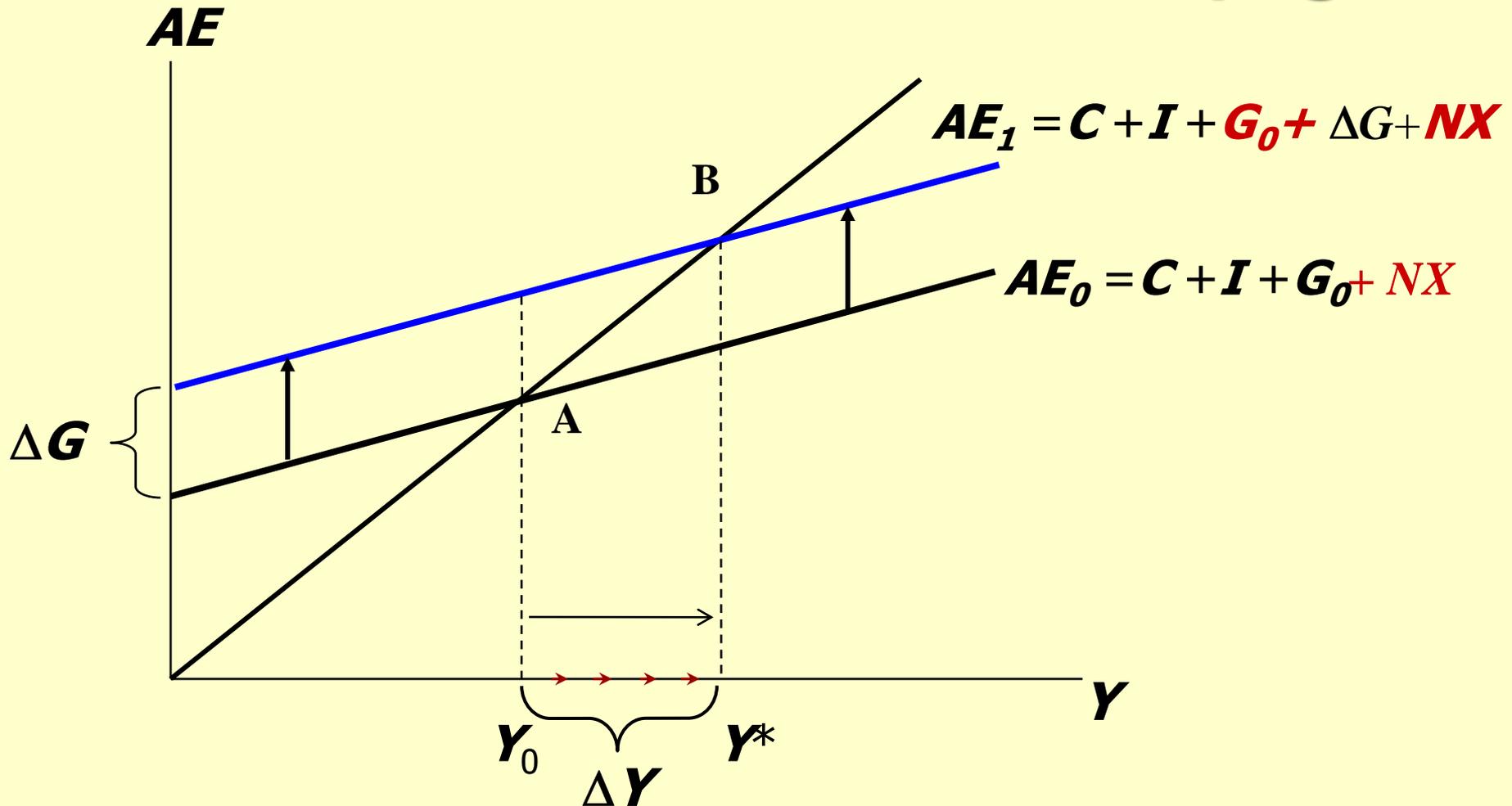
- Tỷ lệ thất nghiệp cao
- Đầu tư và chi tiêu thấp
- Nền kinh tế không có sức ép về lạm phát

Biện pháp: Kích cầu

- + Tăng G, trực tiếp tăng AD
- + Giảm T, tăng Y_d , tăng C, tăng AD
- + Kết hợp hai biện pháp trên để tăng AD

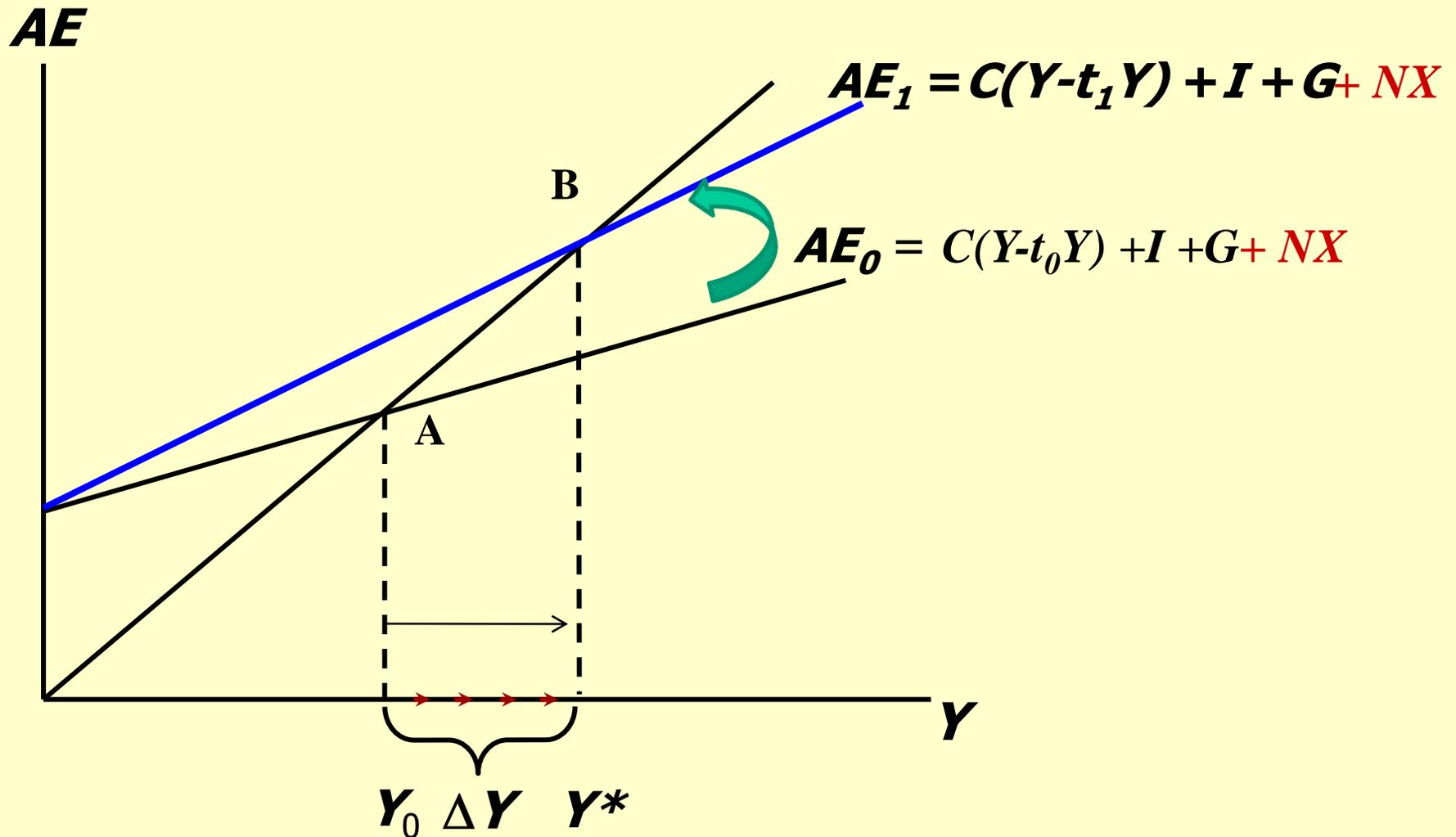
AD tăng làm cho sản lượng (Y) tăng

Chính sách tài khóa mở rộng



- Bối cảnh: Nền kinh tế lâm vào suy thoái do tổng cầu thấp.
- Mục tiêu: Kích cầu để đạt mức sản lượng tiềm năng.
- Công cụ: $G \uparrow \rightarrow AE \uparrow \rightarrow Y \uparrow$.

Cắt giảm thuế



Chính sách tài khóa thu hẹp

Áp dụng trong trường hợp nền kinh tế ở trạng thái quá nóng ($Y > Y^*$):

- **Giá tăng cao**
- **Lạm phát tăng cao**

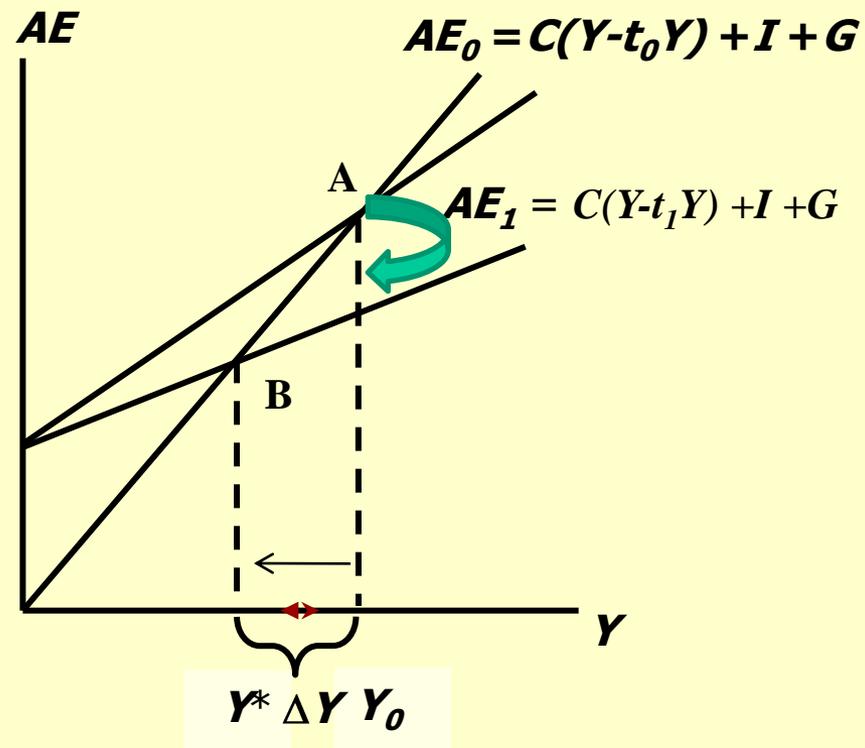
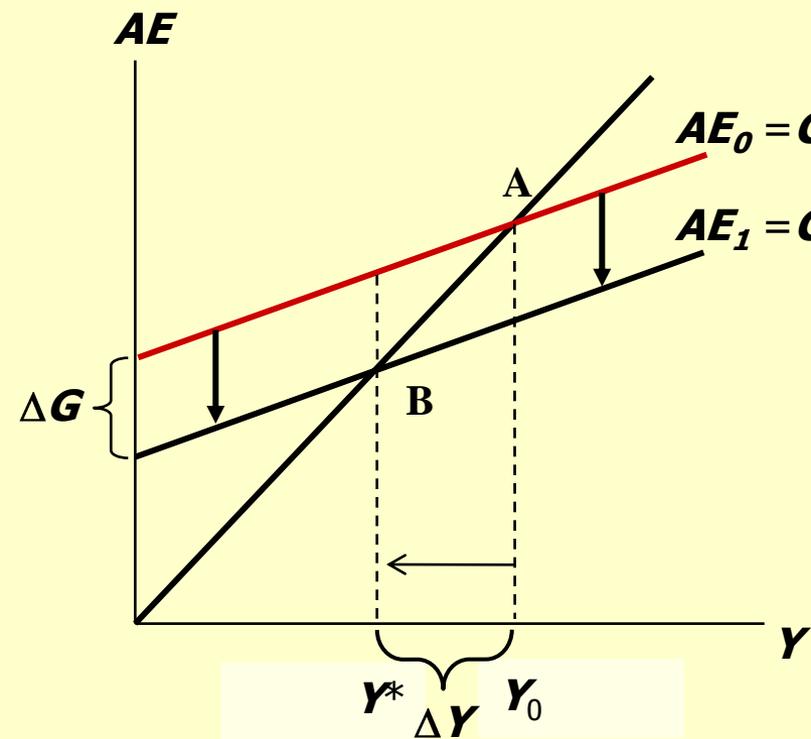
Biên pháp:

Giảm G , trực tiếp giảm AD

- Tăng T , giảm Y_d , giảm C , giảm AD
- Kết hợp hai biên pháp trên để giảm AD

AD giảm $\Rightarrow Y$ giảm \Rightarrow giảm lạm phát

Chính sách tài khóa thắt chặt



Các cơ chế tự ổn định

- Các cơ chế tự ổn định hoạt động bằng cách giảm thiểu những tác động của các cú sốc ngoại sinh đối với tổng cầu hay thu nhập.
- Các cơ chế tự ổn định bao gồm:
 - Hệ thống thuế (thuế lũy tiến)
 - Trợ cấp thất nghiệp

Các cơ chế tự ổn định

1. Những thay đổi tự động về thuế

▪ Nếu T không đổi; Trợ cấp thất nghiệp = 0

✓ Suy thoái $\rightarrow Y \downarrow$ và T không đổi $\rightarrow Y_d \downarrow$
mạnh $\rightarrow C \downarrow$ mạnh.

▪ Nếu thuế thu nhập lũy tiến; Trợ cấp TN > 0

✓ Suy thoái $\rightarrow Y \downarrow \rightarrow T \downarrow \rightarrow Y_d \downarrow$ ít $\rightarrow C \downarrow$ ít.
 $\rightarrow U \uparrow \rightarrow Tr \uparrow \rightarrow Y_d \uparrow \rightarrow C \uparrow$

2. Hệ thống bảo hiểm (BHTN, TR)

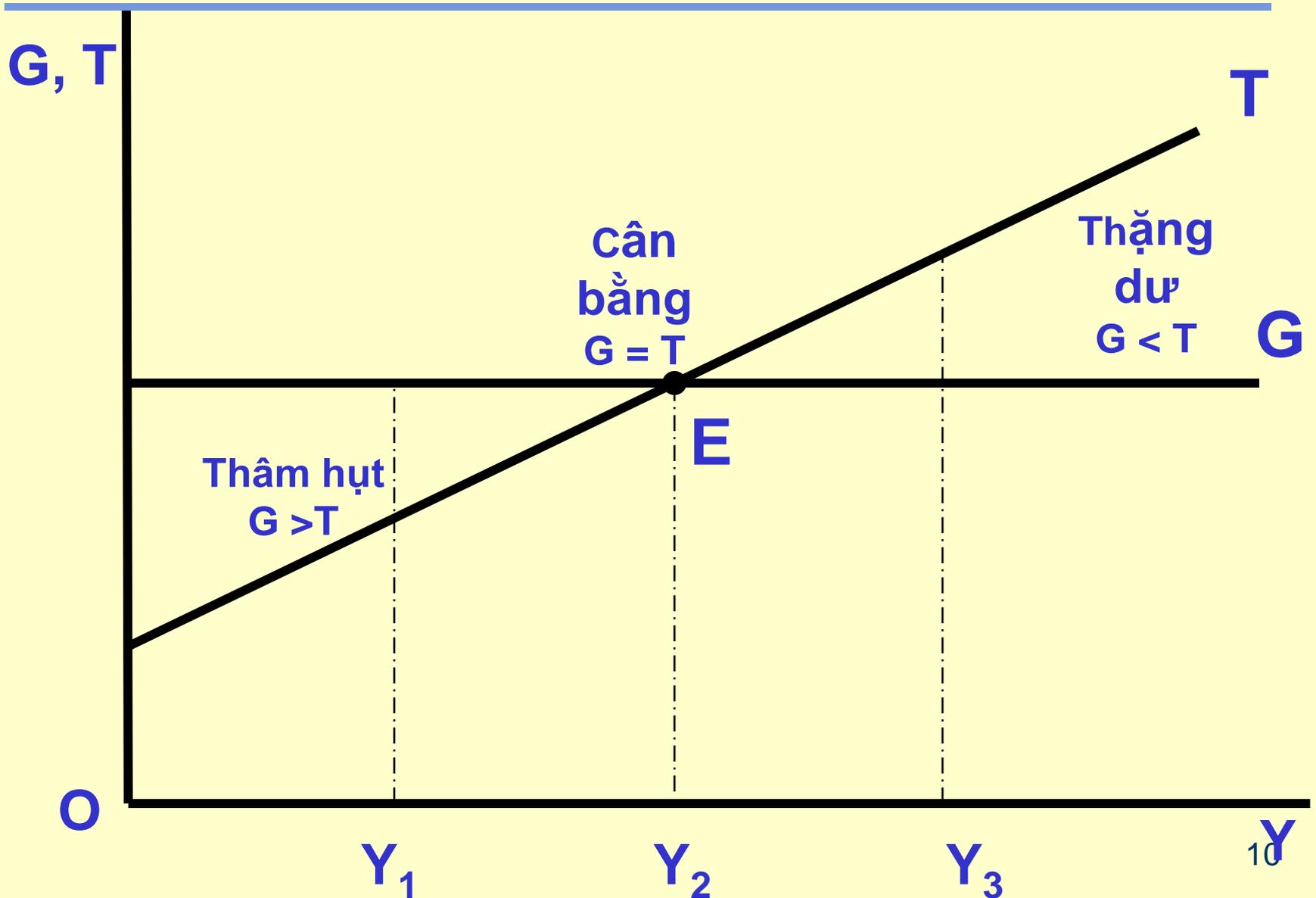
Cán cân ngân sách (Budget Balance - BB)

NSNN là tổng các kế hoạch hàng năm về chi tiêu và thu nhập của CP

- Định nghĩa: $BB = T - G = t.Y - G$
 - ✓ = 0: CCNS cân bằng (in equilibrium)
 - ✓ > 0: CCNS thặng dư (in Surplus)
 - ✓ < 0: CCNS thâm hụt (in Deficit)

- Các nhân tố quyết định:
 - ✓ Chính sách tài khóa chủ động:
 - Mở rộng: $G \uparrow$ or $T \downarrow \Rightarrow BB \downarrow$
 - Thắt chặt: $G \downarrow$ or $T \uparrow \Rightarrow BB \uparrow$
 - ✓ Chu kỳ kinh doanh:
 - $BB \downarrow$ khi nền kinh tế lâm vào suy thoái.
 - $BB \uparrow$ khi nền kinh tế bùng nổ

Cán cân ngân sách



Phân loại thâm hụt ngân sách

▪ THNS thực tế: $BB_{(A)} = T_{(A)} - G_{(A)} < 0$

▪ THNS cơ cấu: $BB_S = t.Y^* - G < 0$

(nếu KT hoạt động ở mức sản lượng tiềm năng)

▪ THNS chu kỳ: $BB_C = BB_A - BB_S$

(Thâm hụt chu kỳ = thâm hụt thực tế -
thâm hụt cơ cấu)

THNS cơ cấu phản ánh kết quả hoạt động chủ quan của CSTK do vậy sử dụng thâm hụt này để đánh giá kết quả của CSTK

Chính sách tài khóa cùng chiều

Nếu mục tiêu của CP là luôn đạt được ngân sách cân bằng dù sản lượng có thể thay đổi thế nào cũng được thì chính sách đó gọi là *chính sách tài khóa cùng chiều*

+ Khi nền kt đang suy thoái: ngân sách thâm hụt, để cân bằng ngân sách CP phải $\downarrow G$ hoặc $\uparrow T$ hoặc cả hai $\rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, U \uparrow, P \downarrow$ Khi đó nền kt càng suy thoái

+ Khi nền kt thịnh vượng: thặng dư ngân sách, để cân bằng CP phải $\uparrow G$ hoặc $\downarrow T$ hoặc cả hai $\rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow, P \uparrow$ Khi đó lạm phát cao lại càng cao

Chính sách tài khóa ngược chiều

Nếu mục tiêu của CP là giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng với mức việc làm đầy đủ thì CP phải thực hiện *chính sách tài khóa ngược chiều (với chu kỳ kinh doanh)*

+ Khi nền kt thịnh vượng: ngân sách thặng dư
CP phải $\downarrow G$ hoặc $\uparrow T$ hoặc cả hai $\rightarrow AD \downarrow \rightarrow Y \downarrow, U \uparrow, P \downarrow$. Khi đó thặng dư NS càng tăng.

+ Khi nền kt suy thoái: thâm hụt ngân sách,
CP phải $\uparrow G$ hoặc $\downarrow T$ hoặc cả hai $\rightarrow AD \uparrow \rightarrow Y \uparrow, U \downarrow, P \uparrow$. Khi đó thâm hụt ngân sách càng tăng

Tài trợ cho thâm hụt

- Vay trong nước từ NHTW hoặc từ dân cư
Không gây ra áp lực lạm phát, nhưng
 $i \uparrow \rightarrow I \downarrow$ chuyển từ đầu tư tư nhân sang
đầu tư của CP \rightarrow thoái lui đầu tư
- Vay nước ngoài: Nợ nước ngoài \uparrow .
- In tiền: Gây áp lực lạm phát.
- Tăng thuế:

Phương trình biểu thị tài trợ cho thâm hụt ngân sách

$$(G - T) + \frac{i \cdot B}{P} = \frac{\Delta B}{P} + \frac{\Delta MB}{P}$$

i : Lãi suất danh nghĩa về trái phiếu của chính phủ

B : Giá trị danh nghĩa của các trái phiếu mà CP chưa thanh toán

T : Thuế thu nhập chưa khấu trừ các khoản thanh toán chuyển nhượng

ΔB : Lượng trái phiếu phát hành thêm

ΔMB : Phát hành thêm công nợ bằng tiền của Chính phủ

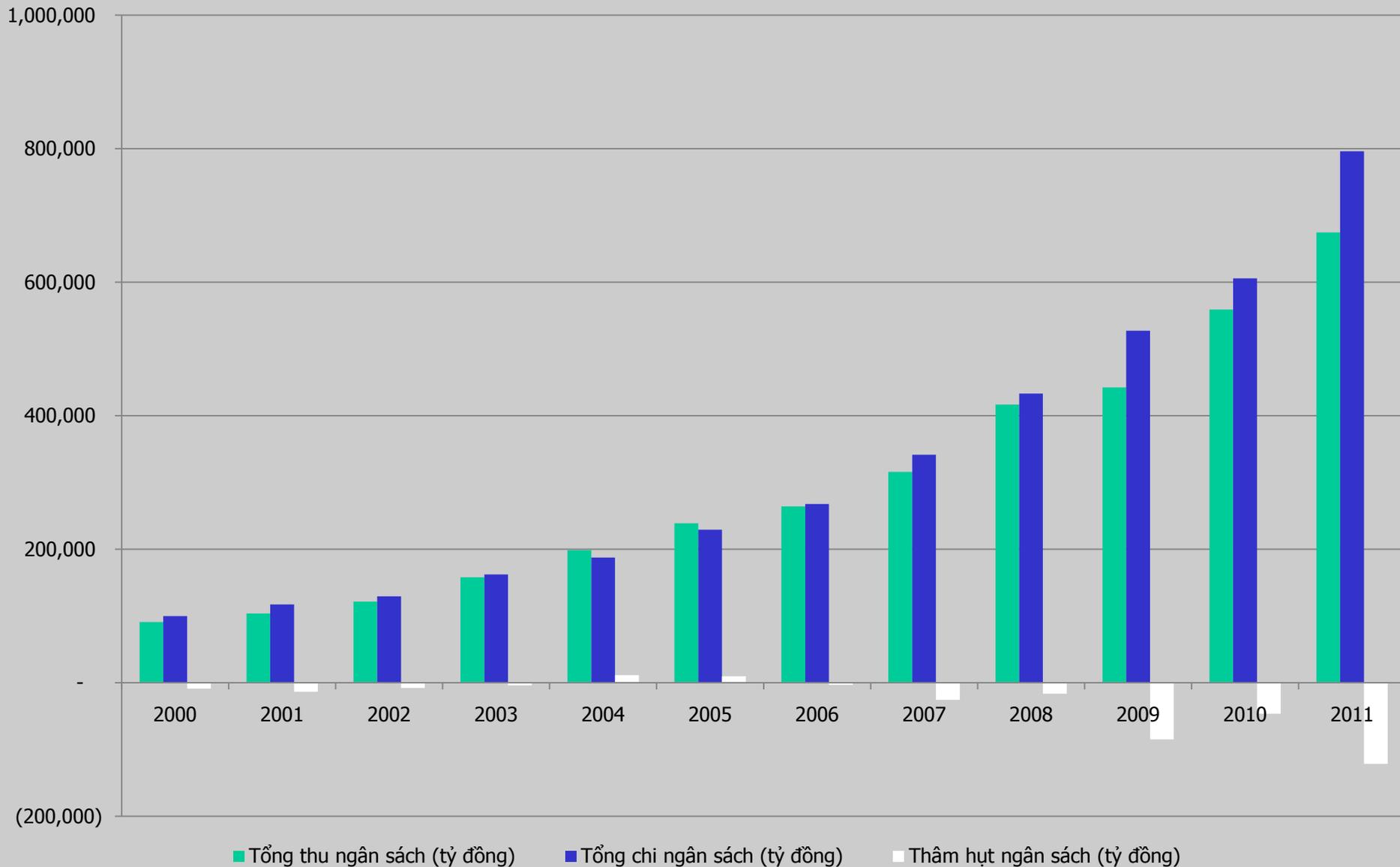
MB : Lượng tiền cơ sở (tiền mặt + tiền dự trữ trong ngân hàng)

Hạn chế của CSTK

Trong thực tế chính sách tài khoá không đem lại hiệu quả giống như trong lý thuyết.

- Khó tính toán chắc chắn
- Độ trễ lớn (mất thời gian nhận biết sự thay đổi của tổng cầu để ra quyết định, mất thời gian phát huy tác dụng)
- Thực hiện thông qua những dự án lớn của Chính phủ do đó khó quản lý, và hiệu quả thường không cao.

Thu-Chi và thâm hụt NS, 2000-2011



Thâm hụt ngân sách 2000-2011

Thâm hụt ngân sách 2000-2011

